TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1203/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1100/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà **Phan Thị Thanh T**, sinh ngày: 12/10/2003

Căn cước công dân số: 0xxx do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày 27/8/2022.

Địa chỉ: Chung cư G, số X đường H, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông **Võ Thành Đ**, sinh ngày: 25/12/1991

Căn cước công dân số: 0xxx do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày 06/12/2022.

Địa chỉ: Số C đường P, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16 tháng 6 năm 2026, bà Phan Thị Thanh T và ông Võ Thành Đ thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề về con chung, tài sản chung và nợ chung.

[2] Xét việc thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thanh T và ông Võ Thành Đ thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 85/2022 đăng ký ngày 19/5/2022 tại Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà Phan Thị Thanh T và ông Võ Thành Đ đều xác nhận có 01 (một) con chung tên Võ Thành T, sinh ngày: 18/8/2021. Khi ly hôn, bà Phan Thị Thanh T và ông Võ Thành Đ cùng thống nhất giao trẻ Võ Thành T cho ông Võ Thành Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Phan Thị Thanh T cho đến khi ông Võ Thành Đ có yêu cầu.

Bà Phan Thị Thanh T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích con chung, sau này các đương sự đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Phan Thị Thanh T và ông Võ Thành Đ đều xác nhận không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Phan Thị Thanh T và ông Võ Thành Đ đều xác nhận không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Phan Thị Thanh T và ông Võ Thành Đ phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Phan Thị Thanh T và ông Võ Thành Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0031156 ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phan Thị Thanh T và ông Võ Thành Đ đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, TP. Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

2 000027 372201

THẨM PHÁN

Lê Thị Kim Tuyền